TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 129/2024/DS-ST Ngày: 30/8/2024 *V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Sỹ Danh Huệ;** Bà **Nguyễn Thị Hoa**.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà**, thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Cúc**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 67/2024/TLST - DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐHPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 39/2024/QĐHPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1970;

Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1970;

Đều có HKTT và nơi ở: Thôn 2, xã P, huyện Q, TP Hà Nội.

Người được uỷ quyền: Bà **Trần Thị Thu H**, Văn phòng Luật sư Mặt Trời Mới.

Địa chỉ: Số 10 ngõ 35/37 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội *(theo Văn bản uỷ quyền số 2904/2022/UQ/NS-TL ngày 29/4/2022)*.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1962;

HKTT và nơi ở: Thôn 2, xã P, huyện Q, TP. Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

1- Ông **Đỗ Hữu Đ**, sinh năm 1986;

2- Bà **Nguyễn Thị Minh A**, sinh năm 1997.

Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Việt Kim, Đoàn Luật sư TP. Hà Nội.

Bà H, ông T có mặt tại phiên toà. Ông Đ, bà A vắng mặt tại phiên toà có gửi bản Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ, lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn có quan hệ họ hàng với nhau và ở cùng thôn. Ngày 31/12/2011, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 410.000.000 đồng. Bị đơn viết Giấy vay tiền với nội dung:

Hôm nay ngày 31/12/2011. Tôi là Nguyễn Anh T có nợ cô L 410.000.000 đồng (bốn trăm mười triệu đồng chẵn) và ký tên T.

Thực hiện theo Giấy vay tiền nguyên đơn đã đưa đủ số tiền trên và bị đơn đã nhận đủ số tiền 410.000.000 đồng vào ngày 31/12/2011.

Sau khi cho vay, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, gặp mặt yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền đã vay nhưng cho đến nay bị đơn cố tình lẩn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Nhận thấy hành vi không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền của bị đơn vi phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Q, giải quyết: Buộc ông Nguyễn Anh T phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 410.000.000 đồng.

** Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:*

Tôi với ông T, bà L có quan hệ họ hàng. Tôi thừa nhận tôi có vay tiền của nguyên đơn nhưng không phải số tiền như giấy vay nợ mà nguyên đơn nộp tại Tòa án. Lý do là vì trước đây tôi có nhiều lần vay tiền nguyên đơn nhưng do tôi không nhớ được tôi còn nợ nguyên đơn bao nhiêu trong khi đó, tôi không có giấy tờ vay nợ gì với nguyên đơn để cung cấp cho Tòa án. Sở dĩ nguyên đơn có giấy vay tiền ngày 31/12/2011 nộp để kiện tôi tại Tòa án là do hôm đó tôi đi uống rượu say về qua cổng nhà bà L thì bà L có gọi tôi lại và bảo là "anh trả nợ em đi" và đưa một tờ giấy cho tôi bảo tôi viết và ký khi đó tôi say rượu không biết gì nên đã viết và ký vào. Tôi thừa nhận chữ viết và chữ ký trong Giấy vay

nợ ngày 31/12/2011 là chữ viết và chữ ký của tôi. Hiện nay, tôi yêu cầu nguyên đơn phải đưa ra Giấy vay nợ đầu tiên của tôi (tôi không nhớ ngày tháng năm) thì tôi mới xác nhận số nợ và có phương án trả nợ.

Tiền tôi vay của nguyên đơn sử dụng mục đích chỉ dùng cá nhân không liên quan đến vợ con. Vợ tôi vào Gia Lai từ năm 1990 đến nay không về. Tôi cam đoan nội dung trình bày trên tại Tòa án là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn xin chịu trách nhiệm.

** Tại phiên tòa,*

- *Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn* giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ là 410.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 31/12/2011.

- *Bị đơn* xác nhận chữ ký, chữ viết trong Giấy vay tiền ngày 31/12/2011 là chữ ký, chữ viết của mình. Tuy nhiên bị đơn không thừa nhận đã vay nguyên đơn 410.000.000 đồng mà trước đó bị đơn đã vay nguyên đơn nhiều lần nên không nhớ chính xác là vay bao nhiêu, còn nợ bao nhiêu. Tại thời điểm viết và ký Giấy vay tiền thì bị đơn không tỉnh táo do vừa uống rượu nên bị đơn đề nghị Toà án buộc nguyên đơn cung cấp Giấy vay tiền lần đầu là 200 triệu đồng thì bị đ mới đồng ý trả nợ cho nguyên đơn.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn* đề nghị:

Về tố tụng: Hồ sơ vụ án chưa đủ điều kiện để Toà thụ lý, giải quyết, cần trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của HĐTP TANDTC. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 469 BLDS năm 2015 về thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn thì *"Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và vay không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*.

Như vậy phía nguyên đơn chưa thực hiện thông báo trong thời hạn hợp lý nên bị đơn chưa thực hiện và chưa vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Khi chưa phát sinh việc quyền và lợi ích bị xâm phạm hay quyền lợi cần được bảo vệ thì nguyên đơn chưa có quyền khởi kiện bị đơn ra toà.

Về nội dung: hai bên chưa thống nhất được số tiền vay mượn thực tế và chỉ căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 31/12/2011 không đủ ơ sở để giải quyết tranh chấp vì vậy đề nghị Toà xem xét quyết định Không chấp nhận yêu cầu trả tiền của nguyên đơn theo Giấy vay tiền ngày 31/12/2011 vì không xác định được chính xác, khách quan số tiền vay thực tế giữa hai bên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đầy đủ, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án kiểm sát nghiên cứu đúng quy định phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 410 triệu đồng theo Giấy vay tiền ngày 31/12/2011.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí DSST; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Anh T có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn 2, xã P, huyện Q, TP. Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q.

[2]. Về áp dụng pháp luật giải quyết vụ án:

Hai bên xác lập Giấy vay tiền ngày 31/12/2011 nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

Theo các bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ HĐXX có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 31/12/2011, bị đơn đã tự viết Giấy vay tiền để xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 410.000.000 đồng và có ký tên đầy đủ. Chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền đều là của bị đơn. Nội dung và hình thức của Giấy vay tiền

không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên về quyền và nghĩa vụ.

Việc bị đơn trình bày khi viết Giấy vay tiền này bị đơn đang trong tình trạng không tỉnh táo vì vừa uống rượu nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời khai của mình là có căn cứ. Ngoài ra bị đơn còn trình bày thực chất số tiền nợ 410.000.000 đồng này là bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi của nhiều khoản vay trước đó mà bị đơn đã vay nguyên đơn, do nguyên đơn giữ bản gốc giấy vay tiền ban đầu nên bị đơn yêu cầu Toà án buộc nguyên đơn cung cấp cho Toà án thì bị đơn sẽ đồng ý trả nợ và có phương án trả nợ cho nguyên đơn.

HĐXX xét thấy đương sự là chủ thể có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ cho Toà và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ hợp pháp theo quy định tại Điều 6 và Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó việc bị đơn không cung cấp được cho Toà án tài liệu, chứng cứ chứng minh lời khai của mình viết Giấy vay tiền trong tình trạng hạn chế năng lực hành vi dân sự nên HĐXX căn cứ Giấy vay tiền ngày 31/12/2011 do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Theo Giấy vay tiền ngày 31/12/2011 do bị đơn tự viết và ký thì bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 410.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị đơn không đưa ra được chứng cứ đã trả nguyên đơn nên HĐXX có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 410.000.000 đồng *(bốn trăm mười triệu đồng)*.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bị đơn. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 6, Điều 96; Điều 161, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 471, 473, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 05/9/2022 của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L.

2. Buộc ông Nguyễn Anh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L số tiền là 410.000.000 đồng *(bốn trăm mười triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Anh T phải chịu 20.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễm án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông T.

Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông T và bà L số tiền 10.200.000 đồng *(mười triệu hai trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019968 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi gửi:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện Q;*
- *Chi cục THADS Q;*
- *Lưu hồ sơ, dán án;*
- *Các đương sự.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thanh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: 71A/BBNA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc*** Q, *ngày 08 tháng 9 năm 2023.*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Thanh.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Sỹ Danh Huệ**; Ông **Tạ Văn Thắng**.

Căn cứ vào các Điều 264 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành thảo luận nghị án đối với vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa ông Nguyễn Huyền Đức và ông Bùi Mạnh Cường.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và xem xét đầy đủ ý kiến của những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết những vấn đề sau:

1. <u>Về điều luật áp dụng</u>:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 161, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 469 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

***2. <u>Về nội dung:</u>* Xử:**

2.1. Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 18/02/2023 và yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện tại phiên tòa của ông Nguyễn Huyền Đức.

2.2. Buộc ông Bùi Mạnh Cường có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huyền Đức tổng số tiền gốc vay là 41.400.000 đồng; Số tiền lãi từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/8/2023 là 41.400.000 đồng x 20% : 12 tháng x 4 tháng = 2.760.000 đồng.

Tổng cả hai khoản là **44.160.000 đồng** *(Bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 09/9/2023) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, nếu ông Cường vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng ông Cường còn phải trả ông Đức số tiền lãi đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. *Về án phí:*

Buộc ông Cường phải chịu 2.008.000 *(hai triệu không trăm linh tám nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Đức không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Đức số tiền 2.850.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000538 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản sao bản án hợp lệ./.

Kết quả biểu quyết: 3/3.